

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HSST
Ngày: 28-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Trường Thắng

2/ Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2021/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ **Thạch T**, sinh năm 1997; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp TN, xã SL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Khmer; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật; Họ tên cha Thạch Sa M, sinh năm 1976 và mẹ Thạch Thị Tư, sinh năm: 1973; Anh chị em ruột: có 01 người, sinh năm 1996. Tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 08/5/2021 đến ngày 11/5/2021 chuyển tạm giam đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1986; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: khóm 1, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Họ tên cha Nguyễn Văn Tiến, sinh năm 1952 và mẹ Nguyễn Thị Quời, sinh năm: 1955; Anh chị em ruột: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1989. Vợ: Dương Thị Phượng, sinh năm 1986. Tiền án: không. Tiền sự: 01 (Vào ngày 21/8/2017, Nguyễn Văn V bị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

ra Quyết định số 27/QĐ-TA đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 01 năm 08 tháng. Ngày 20/12/2019, bị cáo V chấp hành xong quyết định).

Bị cáo Nguyễn Văn V đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can đề tạm giam từ ngày 10/5/2021 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 10/3/2021 trên địa bàn thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Thạch Phát T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp HL A, xã L H, huyện C T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của anh Thạch Phát T:

Bà Thạch Thị R, sinh năm 1962 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HL A, xã L H, huyện C T, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Lâm Hoàng P (Tức), sinh năm 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2/ Anh Võ Khánh L, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3/ Ông Thạch Sa M, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TN, xã SL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng:

Anh Thạch Duy P, sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào buổi chiều ngày 13/12/2020, bị cáo Nguyễn Văn V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84AA-013.09 (xe mô tô của bạn bị cáo V tên là Heo cho V mượn) từ nhà đi đến nhà của Lâm Hoàng P để mượn tiền. Bị cáo V đi một đoạn thì gặp Thạch Duy P cùng bị cáo Thạch T, Kiệt và Thọ (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể của Kiệt và Thọ) đang ngồi đợi xe taxi. Do quen biết với Phương nên bị cáo V kêu xe taxi chở tất cả đến nhà nghỉ Hoàng Long thuộc khóm 7, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại đây, các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, trong lúc sử dụng ma túy ở trong phòng thì bị cáo T hỏi bị cáo V có tiền không, bị cáo T giới thiệu cho bị cáo V mua chiếc xe mô tô loại xe Exciter 150 của bạn bị cáo T tên Thạch Phát Trà ở xã Song Lộc, huyện Châu Thành kêu bán với giá là 12 triệu đồng. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe mô tô của bị cáo V chở bị cáo V xuống khu vực Ấp TN, xã SL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh để xem xe nhưng do trời khuya không xem xe được nên bị cáo T chở bị cáo V về nhà trọ của T thuê ở xã SL, huyện C T,

tỉnh Trà Vinh rồi bị cáo T chở bị cáo V trở lại nhà nghỉ Hoàng Long để tiếp tục sử dụng ma túy. Lúc này, bị cáo V nói “Tao đang khổ, anh em có kèo gì không giới thiệu cho tao làm”, nghe vậy T nói với bị cáo V là Kim Phát T, sinh năm 1997, nơi cư trú ấp Ấp HL A, xã L H, huyện C T, tỉnh Trà Vinh bị T thân ở nhà một mình có chiếc xe hiệu Yamaha, loại xe Exciter 135, biển số 84D1-257.63, xe bị hư ổ khóa nên bàn bạc với bị cáo V đi lấy trộm xe của Phát Tra. Trong lúc bị cáo V và bị cáo T bàn bạc với nhau thì Phương có nghe được, sau đó Phương bỏ đi ra ngoài, một lúc sau Phương gặp riêng bị cáo T và kêu bị cáo T không có đi theo V làm chuyện bậy bạ. Đến sáng ngày 14/12/2020, bị cáo T điều khiển xe mô tô của bị cáo V chở bị cáo V đi xuống ấp Ấp HL A, xã L H, huyện C T cách nhà Phát Tra khoảng 500m thì bị cáo V kêu bị cáo T dừng xe lại, bị cáo V xuống xe kêu T chạy xe đi chơi ở đâu đó một lúc sau quay lại rước bị cáo V. Sau đó, bị cáo V đi vào trong nhà của Phát Tra thì gặp bà Thạch Thị R (là bà ngoại của Phát Tra), bị cáo V nói là bị cáo T kêu lại sửa ổ khóa xe cho Phát Tra nhưng bà Rem không đồng ý nên bị cáo V bỏ đi ra ngoài. Một lúc sau, bị cáo T điều khiển xe mô tô quay lại rước bị cáo V, sau đó cả hai đi đến nhà bạn của V ở huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh chơi, đến chiều cùng ngày thì về nhà của T. Tại đây, bị cáo V kêu bị cáo T mượn máy hàn và máy cắt sắt của gia đình bị cáo T để đem lên thành phố Trà Vinh sửa xe nhưng bị cáo T và bị cáo V đem máy hàn và máy cắt đi cầm để lấy tiền mua ma túy đem đến khu vực nghĩa trang Hòa Lạc để sử dụng.

Sau khi sử dụng ma túy xong, bị cáo V điều khiển xe mô tô của bị cáo V chở bị cáo T đến một căn nhà cấp lộ nhựa hướng về xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để tìm tài sản lấy trộm nhưng do nhà đóng cửa nên cả hai không lấy trộm được tài sản. Sau đó, bị cáo V điều khiển xe mô tô chở bị cáo T theo hướng về nhà của Phát Tra, trên đường đi bị cáo V kêu T lấy trộm xe mô tô của Phát Tra đem đi bán được bao nhiêu tiền thì bị cáo V lấy hết và bị cáo V sẽ đưa cho T xe mô tô mà bị cáo V đang sử dụng thì bị cáo T đồng ý. Đến khoảng 03 giờ, ngày 15/12/2020, bị cáo T và bị cáo V đi đến khu vực chùa Sa Mút, bị cáo V kêu bị cáo T đi vào trong nhà của Phát Tra để lấy trộm xe mô tô còn bị cáo V ở ngoài cổng chùa đợi, bị cáo T đi vào trong nhà Phát Tra thấy Phát Tra đang nằm ngủ nên lấy trộm xe mô tô của Phát Tra và dẫn xe mô tô trộm được ra chỗ của bị cáo V đang đợi, do xe mô tô bị hư ổ khóa không khởi động máy được nên bị cáo T ngồi trên xe trộm được còn bị cáo V điều khiển xe mô tô của mình đẩy bị cáo T điều khiển đi về thành phố Trà Vinh để tìm người bán nhưng không bán được. Lúc này, bị cáo V đem xe mô tô trộm được đến nhà của Phúc để gửi và kêu Phúc cầm xe nhưng Phúc không cầm. Sau đó, Phúc bán giùm xe mô tô nói trên cho Võ Khánh L với số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo V chở bị cáo T về nhà của bị cáo V ngủ đến sáng bị cáo V đi lấy tiền còn bị cáo T ở nhà bị cáo V, đến chiều thì bị cáo V về nhà cho bị cáo T 100.000 đồng để đi xe ôm về nhà bị cáo T. Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô thì Thạch Thị R trình báo đến Công an xã LH A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tại Cơ quan điều tra thì bị cáo Thạch T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội còn bị cáo Nguyễn Văn V cho rằng chỉ có hành vi mua xe mô tô do bị cáo T bán và bị cáo V không có hành vi trộm cắp tài sản như nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 08/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu xanh trắng của Kim Phát T tại thời điểm bị chiếm đoạt, trị giá 23.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định pháp y T thần theo trung cầu số 105/2021/KLGĐ ngày 17/5/2021 của Trung T pháp y T thần khu vực Tây Nam Bộ - Bộ y tế kết luận đối với Kim Phát T:

- Về y học: Trước, trong, sau khi xảy ra vụ việc và hiện tại: Đang sự có bệnh lý T thần: Rối loạn loại phân liệt (F21-ICD10).

- Về năng lực: Tại thời điểm xảy ra vụ việc và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bệnh ở giai đoạn thuyên giảm.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 84AA-013.09; thu giữ và trao trả cho Thạch Thị R: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, số máy 55P1446607, số khung 5P10EY46587, màu xanh trắng, không có biển số.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Thạch T và bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội đối với người bị hạn chế khả năng nhận thức.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo Thạch T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Thạch T; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại.

Về dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại cáo trạng số: 49/CT-VKS.HS ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Thạch T và bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Thạch T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo Nguyễn Văn V không thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành. Bị cáo cho rằng bị cáo T không có bàn bạc với bị cáo đi trộm xe của Kim Phát T. Lý do bị cáo có mặt tại cổng chùa như bị cáo T nói là do bị cáo T nói có người muốn bán xe với giá là 5.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý mua nên hẹn T đúng ngày giờ đó đến để tiến hành giao nhận xe. Bị cáo cho rằng mua xe này từ bị cáo T. Bị cáo có nhờ anh Lâm Hoàng P (Tức) bán xe dùm cho anh Võ Khánh L với giá là 5.000.000 đồng. Bị cáo cùng bị cáo T nhận số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo đưa cho T số tiền 4.200.000 đồng, số tiền 800.000 đồng còn lại là tiền bị cáo T trả nợ cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, tình tiết, tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo. Vì đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Thạch T, bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 xử phạt bị cáo Thạch T 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm k khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017, xử phạt bị cáo V 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại chiếc xe nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 47 Bộ luật Hình sự: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 84AA-013.09 chưa truy ra nguồn gốc chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo V mong Hội đồng xem xét bị cáo không có thực hiện hành vi trộm cắp như Cáo trạng đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có đơn xin giải quyết vắng mặt, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị cáo T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 03 giờ, ngày 15/12/2020, tại nhà của Kim Phát T, tọa lạc ấp Hòa Lạc A, xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Thạch T và bị cáo Nguyễn Văn V lấy trộm 01 (một) xe mô tô, biển số 84D1-257.63, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, số máy 55P1446607, số khung 5P10EY46587, màu xanh trắng của Thạch Phát T, trị giá 23.000.000 đồng. Khi lấy trộm xe mô tô thì bị cáo Thạch T và bị cáo Nguyễn Văn V biết rõ Phát Tra là người bị hạn chế khả năng nhận thức.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn V không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không đồng ý với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát truy tố bị cáo vì bị cáo không hành vi trộm cắp xe của bị hại Kim Phát T. Lời nại ra của bị cáo không có căn cứ chấp nhận vì trước khi bị cáo V và bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp thì hai bị cáo cùng bàn bạc tại nhà nghỉ Hoàng Long, lúc đó có Thạch Duy P nghe hai bị cáo bàn bạc trộm cắp tài sản của Thạch Phát T. Chính bị cáo V là người đã kêu bị cáo T vào nhà thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của bị hại Kim Phát T vào khoảng 03-04 giờ ngày 15/12/2020 và đem xe đã trộm được đến gặp anh Lâm Hoàng P cầm cố nhưng anh Lâm Hoàng P không cầm mà bán xe này cho anh Võ Khánh L với giá 5.000.000 đồng. Anh Lâm Hoàng P cũng khai rằng anh có gặp bị cáo V, lúc đó bị cáo V gặp anh để cầm xe nhưng anh không nhận cầm mà giới thiệu cho Võ Khánh L mua, anh Phúc không có gặp bị cáo T như lời bị cáo V trình bày. Đối với anh Võ Khánh L là người mua xe cũng thừa nhận rằng anh có mua xe mô tô, loại xe Exciter 135 từ anh Lâm Hoàng P và đã đưa số tiền 5.000.000 đồng cho anh Lâm Hoàng P. Bị cáo V trực tiếp nhận tiền từ anh Lâm Hoàng P và không đưa số tiền nào cho bị cáo T như lời trình bày của bị cáo.

Qua quá trình điều tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa cũng như các chứng cứ khác đã thẩm tra có đủ căn cứ kết luận Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn V là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xem xét vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi trộm cắp tài sản thực hiện vào ngày 15/12/2020, bị cáo V và bị cáo T cùng thực hiện, đồng phạm mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo V giữ vai trò chính là người khởi xướng và người giúp sức, còn bị cáo T là người thực hiện hành vi trộm cắp.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Thạch T và Nguyễn Văn V đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất an ninh trật tự xã hội, tạo T lý hoang mang lo sợ cho mọi người trong việc quản lý tài sản, không an T lao động, sinh hoạt. Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ bị hại là người hạn chế năng lực hành vi dân sự và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng không muốn bỏ ra công sức lao động mà muốn hưởng thụ trên công sức của người khác, tài sản đã được chiếm đoạt, tội phạm đã hoàn thành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian và cần áp dụng cho các bị cáo một mức án thật nghiêm, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo T và bị cáo V có tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với người bị hạn

chế khả năng nhận thức quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo V có 01 tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T thành khẩn nhận tội, đã ăn năn, hối cải nhận thức được lỗi lầm của mình, đây là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Riêng đối với bị cáo V, sau khi xảy ra vụ việc, bị cáo không biết sai, không thành thật khai báo mà còn quanh co chối tội, gây khó khăn trong việc điều tra vụ án nên bị cáo không được hưởng các tình tiết giảm nhẹ.

[6] Về quan điểm và đề nghị của vị kiểm sát viên có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 84AA-013.09, cơ quan điều tra đã truy tìm chủ sở hữu, biển số xe là biển số giả nên không xác định được chủ sở hữu. Bị cáo V và bị cáo T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử nên tịch thu sung quỹ theo quy định của pháp luật.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi mua bán xe mô tô của Lâm Hoàng P và Võ Khánh L nhưng không biết xe mô tô do bị cáo Thạch T và bị cáo Nguyễn Văn V trộm được mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi mượn máy cắt sắt và máy hàn sau đó đem cầm cho người khác mua ma túy về sử dụng của Thạch T do đây là tài sản của gia đình và Thạch Sa M không yêu cầu bồi thường nên không xem xét xử lý.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Thạch T và bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Thạch T 01 (năm) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 5 năm 2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm k khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày Tòa án có thẩm quyền tổng hợp hình phạt.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Tịch thu sung quỹ 01 xe mô tô biển kiểm soát 84AA-013.09. (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/9/2021).

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1, Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Buộc bị cáo Thạch T và bị cáo Nguyễn Văn V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hồng Nhân

